

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



PHÙNG HỮU BÌNH

**PHÁP LUẬT VỀ TÀI CHÍNH CỦA HỢP TÁC XÃ,
THỰC TIỄN HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP
TẠI TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Chuyên ngành: **Luật Kinh tế**

Mã số: **8380107**

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2019

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Nguyễn Ngọc Kiện**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ
họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....2019

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu đề tài.....	1
3. Phương pháp nghiên cứu	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	4
5. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	5
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn	5
7. Bố cục của luận văn.....	5
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ TÀI CHÍNH CỦA HỢP TÁC XÃ	6
1.1. Khái niệm và đặc điểm của Hợp tác xã.....	6
1.1.1. Khái niệm Hợp tác xã.....	6
1.1.2. Đặc điểm Hợp tác xã	6
1.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Hợp tác xã.....	7
1.3. Cơ cấu tổ chức quản trị Hợp tác xã	7
1.4. Vai trò của Hợp tác xã đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.....	7
1.5. Các loại hình hợp tác xã	8
1.6. Pháp luật về tài chính của Hợp tác xã	8
1.6.1. Nguồn vốn và quản lý nguồn vốn của Hợp tác xã	8
1.6.2. Phân phối lợi nhuận và xử lý lỗ của Hợp tác xã	9
1.6.2.1. Phân phối lợi nhuận.....	9
1.6.2.2. Xử lý lỗ của Hợp tác xã.....	9
1.6.3. Quỹ của Hợp tác xã và sử dụng quỹ.....	10
1.6.4. Báo cáo tài chính của Hợp tác xã và hoạt động kiểm toán hợp tác xã.....	10
1.6.4.1. Báo cáo tài chính của Hợp tác xã	10
1.6.4.2. Kiểm toán hợp tác xã.....	11
Tiểu kết Chương 1	11
Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TÀI CHÍNH TẠI CÁC HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP Ở TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	12
2.1. Mô hình Hợp tác xã nông nghiệp ở Việt Nam và hoạt động của Hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.....	12
2.1.1. Mô hình Hợp tác xã nông nghiệp	12
2.1.2. Số lượng và phân bố hợp tác xã nông nghiệp toàn quốc	12
2.1.3. Định hướng phát triển mô hình hợp tác xã nông nghiệp	12

2.1.4. Hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	13
2.1.4.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của tỉnh Thừa Thiên Huế ..	13
2.1.4.2. Khái quát về tình hình hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.....	14
2.1.4.3. Tình hình bộ máy tổ chức quản lý các hợp tác xã nông nghiệp ở tỉnh Thừa Thiên Huế	14
2.1.4.4. Về công tác tổ chức quản lý và trình độ cán bộ trong các hợp tác xã nông nghiệp	14
2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý tài chính tại hợp tác xã nông nghiệp	14
2.2.1. Cơ chế tài chính của Nhà nước	14
2.2.2. Quy mô hoạt động của hợp tác xã.....	14
2.2.3. Trình độ quản lý của hợp tác xã.....	15
2.3. Thực trạng quản lý tài chính trong các hợp tác xã nông nghiệp tại tỉnh Thừa Thiên Huế	15
2.3.1. Thực trạng quản lý nguồn vốn của Hợp tác xã nông nghiệp.....	15
2.3.1.1. Thực trạng tiếp cận nguồn vốn của các hợp tác xã nông nghiệp ..	15
2.3.1.2. Thực trạng sử dụng nguồn vốn trong hoạt động tín dụng nội bộ..	15
2.3.1.3. Thực trạng sử dụng nguồn vốn đề góp vốn, mua cổ phần và thành lập doanh nghiệp	15
2.3.2. Thực trạng quản lý tài sản của hợp tác xã nông nghiệp	15
2.3.2.1. Thực trạng quản lý tài sản cố định của hợp tác xã nông nghiệp...	15
2.3.2.2. Thực trạng quản lý tài sản lưu động của hợp tác xã nông nghiệp.	16
2.3.3. Thực trạng quản lý doanh thu, chi phí, lợi nhuận và sử dụng quỹ của Hợp tác xã nông nghiệp.....	16
2.3.3.1. Thực trạng quản lý doanh thu	16
2.3.3.2. Thực trạng quản lý chi phí của hợp tác xã nông nghiệp.....	16
2.3.3.3. Thực trạng phân phối lợi nhuận của hợp tác xã nông nghiệp....	16
2.3.4. Thực trạng thực hiện kiểm toán hợp tác xã	16
Tiểu kết Chương 2.....	17
Chương 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP	18
3.1. Định hướng phát triển hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.....	18
3.1.1. Cơ sở định hướng	18

3.1.2. Mục tiêu và định hướng nâng cao hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.....	18
3.1.2.1. Mục tiêu phát triển hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.....	18
3.1.2.2. Định hướng phát triển hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.....	18
3.2. Nhóm giải pháp phát triển hợp tác xã nông nghiệp	19
3.2.1. Giải pháp về phương thức tổ chức và công tác cán bộ	19
3.2.2. Tăng cường sự chỉ đạo của Nhà nước đối với hợp tác xã.....	19
3.2.2.1. Về công tác tuyên truyền Luật hợp tác xã năm 2012, về phát triển kinh tế hợp tác, đặc biệt là trong lĩnh vực nông nghiệp.....	19
3.2.2.2. Tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chỉ đạo của các cấp chính quyền, đoàn thể.....	19
3.2.2.3. Một số chính sách đối với hợp tác xã.....	19
3.2.3. Giải pháp về đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ quản lý hợp tác xã, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ hợp tác xã.....	19
3.3. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả quản lý tài chính tại hợp tác xã nông nghiệp.....	19
3.3.1. Hoàn thiện pháp luật về quản lý tài chính hợp tác xã	19
3.3.2. Nâng cao hiệu quả quản lý tài chính đối với hợp tác xã nông nghiệp.....	20
Tiểu kết Chương 3	21
KẾT LUẬN	22
TÀI LIỆU THAM KHẢO	23

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hợp tác xã là một hình thức tổ chức kinh tế tập thể đóng vai trò nòng cốt trong phát triển kinh tế của nhiều quốc gia.

Ở Việt Nam, Hợp tác xã đã chứng minh vai trò to lớn của mình trong các giai đoạn lịch sử, nhất là trong nền kinh tế tập trung. Từ khi đất nước chuyển sang nền kinh tế thị trường, kinh tế đất nước ngày càng hội nhập sâu rộng với kinh tế thế giới, thành phần kinh tế hợp tác xã, đặc biệt là các hợp tác xã nông nghiệp (HTXNN) bộc lộ những khó khăn, nhiều HTXNN hoạt động trì trệ, kém hiệu quả, đi đến tan rã.

Trong đó, một trong những mảng yếu kém, tồn tại trong hoạt động của HTXNN là công tác quản lý tài chính. Thực tiễn cho thấy công tác hạch toán, kế toán của các HTXNN hiện nay chưa được chặt chẽ, còn tùy tiện... dẫn đến phản ánh thiếu chính xác hiệu quả sản xuất kinh doanh. Thực tế qua công tác quyết toán, kiểm tra, thanh tra hàng năm tại các địa phương cho thấy nhiều HTXNN có sai phạm về quản lý tài chính, dẫn tới hoạt động yếu kém, thua lỗ, dần đánh mất vai trò trong cơ chế kinh tế thị trường có tính cạnh tranh gay gắt hiện nay.

Quản lý tài chính các HTXNN hiện nay đặt ra vấn đề bức thiết phải nghiên cứu, đánh giá toàn diện hệ thống văn bản pháp luật về quản lý tài chính HTX, do đó, tôi lựa chọn nghiên cứu Đề tài **“Pháp luật về tài chính của hợp tác xã, thực tiễn hợp tác xã nông nghiệp tại tỉnh Thừa Thiên Huế”** làm Luận văn thạc sỹ chuyên ngành luật kinh tế.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Có khá nhiều công trình khoa học nghiên cứu về kinh tế tập thể nói chung, về HTXNN nói riêng ở trong và ngoài nước. Tuy nhiên, hầu hết các công trình đều tập trung nghiên cứu hợp tác xã dưới các góc độ khác nhau như về vai trò kinh tế, mô hình tổ chức và hoạt động; vai trò quản lý nhà nước đối với HTX mà chưa có công trình nào nghiên cứu, đánh giá pháp luật về quản lý tài chính của Việt Nam đối với HTXNN, liên hệ đến thực tiễn một địa phương nhất định để thấy rõ hệ thống pháp luật về quản lý tài chính đối với HTXNN đã được ban hành đầy đủ, chặt chẽ hay chưa, trong thực tiễn đã được tổ chức thực hiện như thế nào, đã tạo hành lang pháp lý đầy đủ cho công tác quản lý tài chính đối với HTX hay chưa; còn có những “lỗ hổng pháp lý” hoặc hạn chế, bất cập gì cần bổ sung, hoàn thiện để công tác quản lý tài chính của các HTX, đặc biệt là HTXNN được thực hiện chặt chẽ trong thời gian đến. Do vậy, Đề tài lựa chọn nghiên cứu là mới, không trùng lặp với một công trình khoa học nào đã được công bố.

Xin nêu một số công trình chủ yếu về hợp tác xã đã được công bố như sau:

2.1. Công trình nghiên cứu trên thế giới

- Yoshitada Nakaoka¹(1998), “*Lịch sử phát triển HTX nông nghiệp Nhật Bản*”. Bài viết cho biết các thời kỳ phát triển nông nghiệp của Nhật Bản từ khi hình thành (năm 1840) đến năm 1998, trong đó cho biết các loại hình HTX ở Nhật Bản và những đánh giá về các thời kỳ phát triển này theo quan điểm của tác giả.

- Prof. Hans- H.Muenkner (1995), “*The role of cooperatives in the 21st century*”, Marburg University, Germany 6-1995. Đưa ra quan niệm mang tính bản chất của HTX, phân tích vai trò và thách thức chủ yếu của HTX trong thế kỷ 21.

- Dr Daman Prakash (2003), “*Development of Agricultural Cooperatives - Relevance of Japanese Experiences to Developing Countries*”, The Saryu’, J-102 Kalkaji, New Delhi 110019, India, February 2003. Tài liệu phân tích những đóng góp đáng kể của HTX nông nghiệp trong phát triển kinh tế ở Nhật Bản, chỉ ra những điều kiện cần thiết cho thành công và những bài học cho phát triển HTX nông nghiệp ở Nhật bản.

- Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp thế giới FAO (2012), “*Agricultural cooperatives: key to feeding the world*”. Tài liệu đã thông qua các số liệu thực tế về hoạt động của HTX nông nghiệp trên thế giới, khẳng định sự cần thiết và vai trò to lớn của HTX nông nghiệp trong điều kiện hiện nay.

2.2. Công trình nghiên cứu trong nước

- Ủy ban Kinh tế của Quốc hội và UNDP tại Việt Nam (2012), “*Sự phát triển của hợp tác xã và vai trò của hợp tác xã đối với an sinh xã hội*”, Nhà xuất bản trẻ, Hà Nội 2012. Cuốn sách phân tích sự phát triển của HTX ở Việt Nam qua các giai đoạn; phân tích sự tác động của cơ chế, chính sách và pháp luật đến sự phát triển của HTX; đánh giá thực trạng tổ chức và quản lý ở các HTX và vai trò của HTX đối với an sinh xã hội; xu hướng phát triển HTX hiện nay.

- PGS.TS Hoàng Kim Giao (1997), “*Hợp tác xã ở Ixraen*”. Tài liệu phục vụ nghiên cứu đề tài Kinh tế hợp tác - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn, do Viện Kinh tế HTX thuộc Liên minh các HTX Việt Nam chủ trì.

- PGS.TS Hoàng Kim Giao (1997), “*Hợp tác xã ở Indonexia*”. Tài liệu phục vụ nghiên cứu đề tài Kinh tế hợp tác - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn, do Viện Kinh tế HTX thuộc Liên minh các HTX Việt Nam chủ

¹ Giám đốc Viện phát triển HTX nông nghiệp châu Á – Nhật Bản (IDACA) Tokyo

trì. Phân tích các chính sách của chính phủ nước này về phát triển HTX từ năm 1958 đến những năm gần đây, chỉ ra vai trò của chính phủ trong quản lý phát triển hình thức tổ chức này ở Indonexia.

- Hồng Vân (2010), “*Mô hình kinh tế hợp tác xã của một số nước châu Á*”, Tạp chí Công nghiệp (Tháng 02/2010). Khái quát các mô hình kinh tế HTX ở một số nước: Ấn Độ, Nhật Bản, Thái Lan và Malaixia mà Việt Nam có thể tham khảo để phát triển các loại hình HTX kiểu mới hiện nay...

- Hội đồng Trung ương Liên minh các HTX Việt Nam, Viện Kinh tế HTX (1997), “*Kinh tế Hợp tác xã – một số vấn đề lý luận và thực tiễn*”. Phân tích một số vấn đề lý luận về kinh tế hợp tác, các loại hình kinh tế hợp tác, vai trò của Nhà nước đối với khu vực kinh tế hợp tác và một số kiến nghị phát triển phong trào hợp tác hóa ở nước ta theo mô hình mới.

- Lương Xuân Quỳ, Nguyễn Thế Nhã (1999), “*Đổi mới tổ chức và quản lý các Hợp tác xã trong nông nghiệp và nông thôn*”, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội. Cuốn sách phân tích thực trạng quản lý các HTX nông nghiệp ở Việt Nam kể từ khi thành lập và kiến nghị giải pháp đổi mới phương thức quản lý đáp ứng yêu cầu phát triển mô hình HTX theo Luật HTX ban hành năm 1996.

- Phạm Thị Cần, Vũ Văn Phúc, Nguyễn Văn Kỳ (2003), “*Kinh tế Hợp tác trong nông nghiệp ở nước ta hiện nay*”, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội. Nghiên cứu tổng quan cơ sở lý luận và thực tiễn về HTX để phân tích đánh giá thực trạng mô hình HTX ở nước ta từ khi thành lập đến nay, đề xuất giải pháp phát triển nó trước yêu cầu đổi mới của đất nước.

- Cục HTX và phát triển nông nghiệp hợp tác với tổ chức JICA của Nhật Bản (2007-2008), *Điều tra về tình hình HTX nông nghiệp năm 2004 và công bố “Dự án tăng cường chức năng HTX nông nghiệp, phân tích hoạt động tiêu thụ sản phẩm của HTX nông nghiệp điển hình”*.

- PGS.TS Nguyễn Đình Kháng (2009), *Chính sách phát triển hợp tác xã ở Việt Nam*, [www. Tinkinhhte.com](http://www.Tinkinhhte.com). Phân tích và đánh giá những nét cơ bản trong chính sách phát triển HTX của Nhà nước ta trong 50 năm qua (1958 – 2008), đề xuất một số giải pháp phát triển của những năm tiếp theo.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành trên cơ sở chủ nghĩa biện chứng duy vật và biện chứng lịch sử của học thuyết Mác- Lenin. Quan điểm, đường lối chính sách của Đảng cộng sản Việt Nam về kinh tế thị trường và các lý thuyết về kinh tế thị trường hiện đại liên quan đến kinh tế HTX.

Để làm rõ đối tượng nghiên cứu, trên cơ sở phương pháp luận đã đề

cập ở trên, các phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong quá trình nghiên cứu bao gồm:

- *Phương pháp thu thập thông tin*: Thu thập, phân tích và khai thác thông tin từ các nguồn có sẵn liên quan đến đề tài nghiên cứu, bao gồm các Văn kiện, Nghị quyết của Đảng; Luật, Nghị định của Chính phủ; các quy định của bộ ngành ở Trung ương và địa phương; các công trình nghiên cứu, các báo cáo, tài liệu thống kê của chính quyền, ban ngành đoàn thể, tổ chức, cá nhân liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp có liên quan đến hoạt động quản lý tài chính trong các HTXNN

- *Phương pháp lịch sử cụ thể*: Phương pháp này được sử dụng ở Chương 1 của Luận văn để tìm hiểu lịch sử hình thành của quy định pháp luật liên quan đến hoạt động quản lý tài chính trong các HTXNN.

- *Phương pháp phân tích, tổng hợp*: Phương pháp này được sử dụng trong chủ yếu là Chương 1 và Chương 2 để phân tích các cơ sở lý luận, các quy định pháp luật về bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng theo pháp luật Việt Nam hiện hành; từ đó rút ra những hạn chế, nguyên nhân của những hạn chế và đề ra các giải pháp phù hợp nhằm giải quyết những hạn chế, tồn tại trong hoạt động quản lý tài chính trong các HTXNN

- *Phương pháp thống kê*: Là phương pháp thu thập, tổng hợp, trình bày số liệu, tính toán các đặc trưng của đối tượng nghiên cứu nhằm phục vụ cho quá trình phân tích, dự đoán và đề ra các quyết định.

- *Phương pháp hỏi ý kiến chuyên gia*: Gặp gỡ, xin ý kiến chuyên gia có liên quan đến hoạt động quản lý tài chính trong các HTXNN trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Bao gồm cơ sở pháp lý về tài chính của HTX mà trọng tâm là quản lý tài chính của Hợp tác xã nông nghiệp và nghiên cứu các phương án sản xuất kinh doanh; để đánh giá công tác quản lý tài chính của các HTXNN hiện nay.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Thời gian nghiên cứu: Tác giả nghiên cứu việc thực hiện chế độ quản lý tài chính của HTXNN theo thời gian ban hành, thực hiện văn bản pháp luật về quản lý tài chính đối với HTXNN

Không gian, địa bàn nghiên cứu: Tỉnh Thừa Thiên Huế, trong đó tập trung tại các HTXNN thuộc địa bàn thị xã Hương Thủy, địa phương được đánh giá là có phong trào HTX, các đơn vị HTXNN mạnh trong tỉnh Thừa Thiên Huế.

5. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

5.1. Mục đích nghiên cứu

Đề tài nhằm đánh giá tổng quan hệ thống văn bản pháp luật về quản lý, chế độ quản lý tài chính đối với hợp tác xã nông nghiệp; từ việc nghiên cứu, đối chiếu với thực tiễn áp dụng để đề xuất, góp ý hoàn thiện khung khổ pháp lý cho hoạt động quản lý tài chính trong các HTXNN.

5.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Trên cơ sở mục tiêu trên, các nhiệm vụ mà nghiên cứu cần giải quyết bao gồm:

Làm rõ thực trạng hệ thống pháp luật về quản lý tài chính đối với HTXNN...

- Đánh giá, làm rõ thực trạng quản lý tài chính trong các HTXNN trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đề xuất những giải pháp, kiến nghị để bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật; đưa ra các khuyến nghị giúp công tác quản lý tài chính các HTXNN được thực hiện tốt hơn trong thời gian đến.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn

- Góp phần làm rõ hơn về cơ sở lý luận và thực tiễn về các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, các chính sách của Nhà nước trong phát triển kinh tế tập thể nói chung và HTX nông nghiệp nói riêng.

- Đánh giá những bất cập trong hoạt động quản lý tài chính đối với các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật về quản lý tài chính đối với hợp tác xã cũng như nâng cao hiệu quả của hoạt động quản lý tài chính tại các hợp tác xã nông nghiệp tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

7. Bố cục của luận văn

Ngoài phần mở đầu và phần kết luận, nội dung chính của Luận văn được làm rõ trong 3 chương, cụ thể:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận pháp luật về tài chính hợp tác xã

Chương 2: Thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về tài chính hợp tác xã nông nghiệp ở tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chương 3: Định hướng và các giải pháp hoàn thiện pháp luật về tài chính đối với hợp tác xã nông nghiệp

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ TÀI CHÍNH CỦA HỢP TÁC XÃ

1.1. Khái niệm và đặc điểm của Hợp tác xã

1.1.1. Khái niệm Hợp tác xã

Theo Liên minh HTX quốc tế (ICA): “HTX là một tổ chức tự trị của những người tự nguyện liên hiệp lại để đáp ứng các nhu cầu và nguyện vọng chung của họ về kinh tế, xã hội và văn hóa thông qua một xí nghiệp cùng sở hữu và quản lý dân chủ”.

Theo Tổ chức Lao động quốc tế (ILO): “HTX là sự liên kết của những người đang gặp phải những khó khăn kinh tế giống nhau, tự nguyện liên kết nhau lại trên cơ sở bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, sử dụng tài sản mà họ đã chuyển giao vào HTX phù hợp với nhu cầu chung và giải quyết những khó khăn đó bằng sự tự chủ, tự chịu trách nhiệm và bằng cách sử dụng các chức năng kinh doanh trong tổ chức hợp tác, phục vụ cho lợi ích vật chất và tinh thần chung”.²

Theo Luật HTX 2003 của Việt Nam: "HTX là tổ chức kinh tế tập thể do các cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân có nhu cầu, lợi ích chung, tự nguyện góp vốn, góp sức lập ra theo quy định của Luật này để phát huy sức mạnh tập thể của từng thành viên tham gia HTX, cùng nhau thực hiện có hiệu quả các hoạt động sản xuất - kinh doanh và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. HTX hoạt động như một loại hình doanh nghiệp, có tư cách pháp nhân, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính trong phạm vi vốn điều lệ, vốn tích lũy và các nguồn vốn khác của hợp tác xã theo quy định của pháp luật”.

Luật HTX năm 2012 quy định: “HTX là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, do ít nhất 07 thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung của thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý HTX”.

1.1.2. Đặc điểm Hợp tác xã

Hợp tác xã có các đặc điểm cơ bản sau đây:

Thứ nhất, Hợp tác xã là tổ chức kinh tế - xã hội liên kết các cá nhân, hộ gia đình và pháp

nhân, được hình thành theo nguyên tắc tự nguyện nhằm đáp ứng các

² Khuyến nghị và Khuyến trợ các Hợp tác xã của ILO R193 năm 2002.

nhu cầu chung của thành viên theo nguyên tắc tương trợ.

Thứ hai, Hợp tác xã được thành lập nhằm đáp ứng cả nhu cầu kinh tế, văn hóa và xã hội của thành viên và cộng đồng.

Thứ ba, Hợp tác xã là một tổ chức kinh tế tự chủ có tính dân chủ cao.

Thứ tư, Tài sản chung của Hợp tác xã là bất khả chuyển nhượng.

1.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Hợp tác xã

Theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012, Hợp tác xã được tổ chức và hoạt động dựa trên 04 nguyên tắc cốt lõi sau đây:

Thứ nhất, nguyên tắc tự nguyện

Thứ hai, nguyên tắc dân chủ, bình đẳng, công khai

Thứ ba, Nguyên tắc tự chủ, tự chịu trách nhiệm và cùng có lợi

Thứ tư, Nguyên tắc hợp tác và phát triển cộng đồng

1.3. Cơ cấu tổ chức quản trị Hợp tác xã

Theo quy định của Luật hợp tác xã năm 2012, cơ cấu tổ chức của hợp tác xã bao gồm:

- Đại hội thành viên
- Hội đồng quản trị
- Tổng giám đốc/Giám đốc
- Ban kiểm soát/Kiểm soát viên

Như vậy, có thể nhận thấy cơ cấu tổ chức của hợp tác xã được phân định rạch ròi thành hai bộ máy: Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc/Giám đốc. Hội đồng quản trị lãnh đạo khía cạnh “hiệp hội” của hợp tác xã tinh thần dân chủ, biểu quyết theo đa số. Tổng giám đốc/Giám đốc điều hành “doanh nghiệp” hợp tác xã theo chế độ trách nhiệm cá nhân.

1.4. Vai trò của Hợp tác xã đối với sự phát triển kinh tế - xã hội

Thứ nhất, HTX nông nghiệp đóng vai trò “bà đỡ” cho các thành viên phát triển kinh tế, đồng thời có những đóng góp trực tiếp, quan trọng vào sự tăng trưởng, phát triển chung của nền kinh tế.

Thứ hai, HTX tham gia giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo cho thành viên và cho người lao động.

Thứ ba, HTX cung cấp và hỗ trợ các thành viên, cộng đồng dân cư tiếp cận các dịch vụ để an sinh xã hội.

Thứ năm, Hợp tác xã góp phần bảo vệ môi trường.

Thứ sáu, HTX góp phần bảo đảm sự thành công của các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thông qua việc tham

gia xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án này.

1.5. Các loại hình hợp tác xã

Hợp tác xã hết sức đa dạng và tồn tại hầu hết trong các nền kinh tế. Theo Kimberly A. Zeuli và Robert Cropp³, để đơn giản và tiện cho việc phân tích, hợp tác xã có thể được phân loại theo các cách thức sau đây:

Thứ nhất, theo hoạt động kinh doanh

Thứ hai, theo khu vực thị trường

Thứ ba, theo cấu trúc sở hữu

Ngoài ra, theo một nhóm học giả khác, có thể phân loại hợp tác xã theo các tiêu chí sau:

Một là, Theo tính chất thành viên

Hai là, Theo giới hạn trách nhiệm, bao gồm hợp tác xã trách nhiệm hữu hạn và hợp tác xã trách nhiệm vô hạn.

Ba là, Theo hình thức pháp lý, bao gồm hợp tác xã có đăng ký là loại hình chịu sự

Bốn là, Theo mục tiêu, có hợp tác xã đơn mục tiêu và hợp tác xã đa mục tiêu.

Năm là, Theo chức năng kinh doanh: có hợp tác xã dịch vụ và hợp tác xã sản xuất

Sáu là, Theo lĩnh vực kinh doanh: Phân loại theo lĩnh vực kinh tế

1.6. Pháp luật về tài chính của Hợp tác xã

1.6.1. Nguồn vốn và quản lý nguồn vốn của Hợp tác xã

Thứ nhất, về các nguồn vốn của hợp tác xã

Nguồn vốn của hợp tác xã có thể được huy động từ các nguồn sau đây:

Nguồn 1: Vốn góp của thành viên hợp tác xã hay còn gọi là vốn điều lệ.

Nguồn vốn 2: Vốn huy động

Đây cũng là một trong những nguồn vốn chính của hợp tác xã. Vốn vay có nguồn gốc từ:

- Vốn huy động từ thành viên của hợp tác xã

- Vốn vay từ các tổ chức tín dụng, các tổ chức tài chính khác

- Vốn vay từ các tổ chức, cá nhân khác.

Nguồn 3: Các nguồn vốn khác

Ngoài vốn điều lệ và vốn huy động, hợp tác xã còn có các nguồn vốn khác, bao gồm:

³ Kimberly A. Zeuli và Robert Cropp (1980), Cooperatives: Principles and practices in the 21st century, <https://cdn.shopify.com/s/files/1/0145/8808/4272/files/A1457.pdf>, truy cập ngày 23/01/2019.

- Vốn được hình thành từ tích lũy của hợp tác xã
- Vốn được tài trợ
- Vốn được chuyển giao từ hợp tác xã cũ hoặc từ chính quyền xã, phường (nguồn vốn này chỉ có đối với hợp tác xã được chuyển đổi theo Luật hợp tác xã).

- Khoản tiền do bên khách hàng thanh toán trước.

Thứ hai, quản lý và sử dụng nguồn vốn của hợp tác xã

Một là, sử dụng nguồn vốn trong hoạt động tín dụng nội bộ của hợp tác xã

Tín dụng nội bộ là một hoạt động phụ trợ trong hợp tác xã, do tập thể thành viên của hợp tác xã tự nguyện tham gia và tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động. Nhà nước không chịu trách nhiệm về tài chính đối với những rủi ro của hoạt động tín dụng nội bộ.

Hai là, sử dụng nguồn vốn để góp vốn, mua cổ phần và thành lập doanh nghiệp

Với tính chất là một tổ chức kinh tế tự chủ, bình đẳng với các cơ chế kinh tế khác trong thị trường, pháp luật cho phép hợp tác xã góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác hoặc thành lập doanh nghiệp trực thuộc hợp tác xã nhằm tạo điều kiện để hợp tác mở rộng, phát triển phạm vi hoạt động ra ngoài thị trường.

Ba là, trả lại, thừa kế vốn góp của thành viên hợp tác xã

Theo quy định của Luật hợp tác xã năm 2012, thành viên hợp tác xã sẽ được trả lại vốn góp trong trường hợp thành viên đó chấm dứt tư cách thành viên hoặc trường hợp thành viên đó có mức góp vốn vượt quá 20% vốn điều lệ của hợp tác xã (thành viên sẽ được trả lại phần vượt quá này).

1.6.2. Phân phối lợi nhuận và xử lý lỗ của Hợp tác xã

1.6.2.1. Phân phối lợi nhuận

Theo quy định tại Điều 46, Luật hợp tác xã năm 2012, lợi nhuận của hợp tác xã sẽ được phân phối theo trình tự sau đây:

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật về thuế
- Trả bù các khoản lỗ của năm trước (nếu có) theo quy định của pháp luật về thuế

- Trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và các quỹ khác của hợp tác xã do Đại hội thành viên quyết định

- Chia lợi nhuận cho thành viên hợp tác xã theo các nguyên tắc nhất định

1.6.2.2. Xử lý lỗ của Hợp tác xã

Trình tự xử lý lỗi của hợp tác xã được thực hiện theo trình tự sau đây:

Lỗi phát sinh trong năm của Hợp tác xã:

- Giảm lỗ bằng các khoản thu, tiền bồi thường của cá nhân, tổ chức có trách nhiệm liên đới theo quy định của pháp luật và Điều lệ hợp tác xã;

- Giảm lỗ bằng khoản tiền bồi thường của các tổ chức bảo hiểm mà hợp tác xã đã mua bảo hiểm.

1.6.3. Quỹ của Hợp tác xã và sử dụng quỹ

Thứ nhất, về quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển của hợp tác xã là một trong những loại quỹ bắt buộc mà các hợp tác xã phải trích lập với tỷ lệ cụ thể do Đại hội thành viên quyết định, tuy nhiên tỷ lệ này không được thấp hơn 20% trên thu nhập.

Thứ hai, quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính cũng là một trong các loại quỹ bắt buộc phải trích lập của hợp tác xã. Theo quy định tại Điều 46 Luật hợp tác xã năm 2012, tỷ lệ trích lập quỹ dự phòng tài chính do Đại hội thành viên quyết định nhưng không được thấp hơn 5% trên thu nhập của Hợp tác xã.

Thứ ba, quỹ khen thưởng

Quỹ khen thưởng là một loại quỹ không bắt buộc phải thiết lập của hợp tác xã. Nếu có trích lập thì tỷ lệ này sẽ do Đại hội thành viên quyết định.

Thứ tư, quỹ phúc lợi

Hợp tác xã không bắt buộc phải lập quỹ phúc lợi, tuy nhiên nếu có nhu cầu thì có thể trích lập theo tỷ lệ do Đại hội thành viên quyết định.

1.6.4. Báo cáo tài chính của Hợp tác xã và hoạt động kiểm toán hợp tác xã

1.6.4.1. Báo cáo tài chính của Hợp tác xã

Theo quy định của pháp luật, sau khi kết thúc kỳ kế toán năm, hợp tác xã có trách nhiệm báo cáo tài chính theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng cho hợp tác xã với các cơ quan có thẩm quyền, bao gồm cơ quan đăng ký hợp tác xã, Phòng Tài chính - kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Chi cục Thuế (quận, huyện), Chi cục hoặc Phòng Tài chính doanh nghiệp thuộc Sở Tài chính, và công khai tình hình tài chính hàng năm cho thành viên, hợp tác xã thành viên và trước đại hội thành viên.

1.6.4.2. Kiểm toán hợp tác xã

Luật hợp tác xã năm 2012 và Nghị định 193/2013/NĐ-CP chỉ dừng lại ở việc đề cập và khuyến khích hoạt động kiểm toán hợp tác xã mà không có nhưng quy định chi tiết.

Đến Thông tư 83/2015/TT-BTC, hoạt động kiểm toán đã được đề cập đến một cách cụ thể hơn:

“Ban kiểm soát, kiểm soát viên có trách nhiệm giám sát, kiểm tra (kiểm toán nội bộ) những hoạt động về tài chính kế toán theo quy định của pháp luật và điều lệ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; kiểm tra, kiểm soát định mức quản lý sử dụng vật tư, tài sản, vốn, quỹ; quản lý thu, chi và phân phối thu nhập; kiểm tra việc thực hiện kế hoạch tài chính, chấp hành chính sách chế độ tài chính, kế toán, thống kê của Nhà nước.”

Tiểu kết Chương 1

Trong Chương 1, Luận văn đã trình bày những vấn đề tổng quan về hợp tác xã tại Việt Nam, bao gồm khái niệm và đặc điểm của hợp tác xã, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hợp tác xã, cơ cấu tổ chức quản trị Hợp tác xã, vai trò của Hợp tác đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và các loại hình Hợp tác xã hiện nay. Ngoài ra, trong Chương 1, Luận văn cũng đã giới thiệu về lịch sử hình thành và phát triển của phong trào hợp tác xã trên thế giới, mô hình hợp tác xã ở các quốc gia tiêu biểu như Đức, Ấn Độ, Thái Lan, Nhật Bản, từ đó Luận văn rút ra một số kinh nghiệm cho Việt Nam trong quá trình phát triển mô hình hợp tác xã.

Đặc biệt, Chương 1 của Luận văn đã tập trung trình bày những quy định của pháp luật về quản lý tài chính đối với hợp tác xã. Trong đó, có pháp luật về nguồn vốn và quản lý nguồn vốn của Hợp tác xã, phân phối lợi nhuận và xử lý lỗ của Hợp tác xã, các quy định về Quỹ của Hợp tác xã và phương thức sử dụng quỹ trong hoạt động của hợp tác xã và những quy định liên quan đến Báo cáo tài chính của Hợp tác xã. Những nội dung được trình bày ở Chương 1 sẽ là cơ sở để Luận văn giải quyết những vấn đề được đặt ra ở những phần sau của Luận văn này.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TÀI CHÍNH TẠI CÁC HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP Ở TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

2.1. Mô hình Hợp tác xã nông nghiệp ở Việt Nam và hoạt động của Hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

2.1.1. Mô hình Hợp tác xã nông nghiệp

Dự thảo Nghị định về hợp tác xã nông nghiệp do Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn nêu “Hợp tác xã nông nghiệp là tổ chức kinh tế hợp tác của các hộ gia đình, cá nhân, pháp nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh, các dịch vụ cung ứng đầu vào, đầu ra phục vụ sản xuất trong các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, diêm nghiệp (gọi chung là nông nghiệp) và đến nhằm nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống của các thành viên”.

Theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BNNPTNT, hợp tác xã nông nghiệp bao gồm các loại hình sau đây:

Thứ nhất, Hợp tác xã trồng trọt

Thứ hai, Hợp tác xã chăn nuôi

Thứ ba, Hợp tác xã lâm nghiệp

Thứ tư, Hợp tác xã thủy sản

Thứ năm, Hợp tác xã diêm nghiệp

Thứ sáu, Hợp tác xã nước sạch nông thôn

Thứ bảy, Hợp tác xã nông nghiệp tổng hợp

2.1.2. Số lượng và phân bố hợp tác xã nông nghiệp toàn quốc⁴

Đến hết năm 2018, Bộ NN&PTNT cho biết, cả nước đã có 39 liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp, 13.400 hợp tác xã nông nghiệp, tăng 14,6% so với năm 2017; trong đó có 55% số hợp tác xã hoạt động hiệu quả (năm 2017 là 33%). Ngành này đặt mục tiêu, năm 2019 sẽ có 11.250 hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả.

2.1.3. Định hướng phát triển mô hình hợp tác xã nông nghiệp

Thực hiện đường lối đổi mới HTX nông nghiệp của Đảng và thi hành Luật HTX, tất cả các địa phương đều đã tập trung chỉ đạo chuyên đổi HTX nông nghiệp kiểu cũ sang HTX nông nghiệp kiểu mới cho phù hợp với quy luật kinh tế thị trường và đặc điểm của sản xuất nông nghiệp dựa trên quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của hộ nông dân. Có

⁴ Nguồn số liệu từ “Liên minh hợp tác xã Việt Nam”, <http://vca.org.vn/nam-2019-se-co-tren-11000-htx-nong-nghiep-hoat-dong-hieu-qua-a95.html>, truy cập ngày 12/02/201.

thể khái quát thành hai cách làm chủ yếu: chuyển đổi HTX nông nghiệp kiểu cũ sang HTX nông nghiệp kiểu mới; thành lập mới HTX nông nghiệp.

2.1.4. Hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

2.1.4.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của tỉnh Thừa Thiên Huế

a. Điều kiện tự nhiên

*** Vị trí địa lý**

Tỉnh Thừa Thiên - Huế là một tỉnh nằm ở duyên hải miền trung Việt Nam bao gồm phần đất liền và phần lãnh hải thuộc thềm lục địa biển Đông.

*** Khí hậu**

Thừa Thiên Huế có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, mang tính chất chuyển tiếp giữa khí hậu miền Bắc và miền Nam.

*** Đặc điểm tài nguyên**

- Thủy văn: Hệ thống sông ngòi Thừa Thiên Huế phân bố khá đồng đều trên lãnh thổ.

- Thổ nhưỡng: Tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh Thừa Thiên Huế là 468.438 ha chiếm 92.7% diện tích tự nhiên toàn tỉnh với 10 nhóm đất chia thành 21 loại đất.

- Sinh vật: Sinh vật ở tỉnh Thừa Thiên Huế rất đa dạng về thành phần loài, chủng loại và hệ sinh thái.

b. Điều kiện kinh tế - xã hội

*** Tốc độ tăng trưởng kinh tế⁵**

Năm 2018, tổng sản phẩm xã hội trên địa bàn (GRDP theo giá so sánh) ước đạt 32.417 tỷ đồng, tăng 7,15% so với năm 2017. Cơ cấu các ngành kinh tế với dịch vụ chiếm ưu thế 50,4%; công nghiệp - xây dựng 31,66%; nông, lâm, thủy sản 10,97%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 6,97%.

*** Dân số và lao động**

Tính đến năm 2017, dân số tỉnh Thừa Thiên Huế có 1.154.310 người, trong đó:

- Nam: 575.388 người

- Nữ: 578.922 người

- Mật độ dân số là 230 người /km².

- Về phân bố, có 563.404 người sinh sống ở thành thị và 590.906

⁵ Nguồn số liệu: Báo cáo Tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2018, Cục Thống kê Thừa Thiên Huế, <http://www.thongkethuathienhue.gov.vn/ChiTietTin.aspx?id=123>, truy cập ngày 2/3/2019.

người sinh sống ở vùng nông thôn

Tổng số lao động từ 15 tuổi trở lên là 632.086 người (trong đó lao động nữ 299.037 người)

2.1.4.2. Khái quát về tình hình hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

Hiện nay, tỉnh Thừa Thiên Huế có 161 hợp tác xã (156 Hợp tác xã nông nghiệp và 05 Hợp tác xã Thủy sản) chuyển đổi, sáp nhập và thành lập mới theo Luật hợp tác xã năm 2012. Thực hiện Luật hợp tác xã sửa đổi năm 2012 đến ngày 31/12/2017 đã tổ chức Tuyên truyền vận động được 150 hợp tác xã chuyển đổi đạt 93,16%, số hợp tác xã sáp nhập là 03 hợp tác xã chiếm 1,86%, số hợp tác xã giải thể là 08 hợp tác xã chiếm 5%.

2.1.4.3. Tình hình bộ máy tổ chức quản lý các hợp tác xã nông nghiệp ở tỉnh Thừa Thiên Huế

Bộ máy của HTX tiêu biểu ở địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế bao gồm:

- Hội đồng Quản trị
- Ban Kiểm soát
- Các bộ phận giúp việc

2.1.4.4. Về công tác tổ chức quản lý và trình độ cán bộ trong các hợp tác xã nông nghiệp

Tuy có những chuyển biến tích cực nhưng cũng phải thừa nhận rằng các HTX vẫn chưa thoát khỏi tình trạng yếu kém, còn nhiều khó khăn và bất cập lớn về chất lượng nguồn lực. Phần lớn đội ngũ cán bộ trong các HTX nông nghiệp thiếu kiến thức chuyên môn cần thiết để có thể quản lý điều hành HTX hoạt động một cách có hiệu quả. Đa số cán bộ đảm nhiệm chức vụ quản lý điều hành của các HTX nông nghiệp đều trên cơ sở uy tín và kinh nghiệm tích lũy từ những hoạt động thực tế chứ chưa từng qua đào tạo, bồi dưỡng trước đó.

2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý tài chính tại hợp tác xã nông nghiệp

2.2.1. Cơ chế tài chính của Nhà nước

Các chế độ, tiêu chuẩn, định mức của Nhà nước là căn cứ để các hợp tác xã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ đảm bảo tính độc lập và tự chủ. Khi các văn bản này thay đổi có tác động làm thay đổi cơ chế quản lý tài chính của các hợp tác xã.

2.2.2. Quy mô hoạt động của hợp tác xã

Thực hiện cơ chế quản lý tài chính đối với các hợp tác xã, quy mô của mỗi hợp tác xã khác nhau sẽ điều chỉnh các quan hệ tài chính khác nhau.

2.2.3. Trình độ quản lý của hợp tác xã

Con người là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến tính kịp thời, chính xác, hiệu quả của các quyết định quản lý nói chung và cơ chế quản lý tài chính nói riêng.

2.2.4. Hệ thống kiểm soát nội bộ trong hợp tác xã

Hệ thống kiểm soát nội bộ là các quy định, các thủ tục kiểm soát do hợp tác xã xây dựng và áp dụng đảm bảo cho việc tuân thủ pháp luật và các quy định để kiểm tra, kiểm soát, ngăn ngừa và phát hiện gian lận, sai sót nhằm tăng cường quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của hợp tác xã.

2.3. Thực trạng quản lý tài chính trong các hợp tác xã nông nghiệp tại tỉnh Thừa Thiên Huế

2.3.1. Thực trạng quản lý nguồn vốn của Hợp tác xã nông nghiệp

2.3.1.1. Thực trạng tiếp cận nguồn vốn của các hợp tác xã nông nghiệp

Đối với hợp tác xã nông nghiệp, tiếp cận vốn và tài chính là một thách thức lớn. Các nhà cung cấp dịch vụ tài chính như ngân hàng thường coi lĩnh vực nông nghiệp thường có quá nhiều rủi ro và các chi phí giao dịch cao. Họ nghi ngờ khả năng cũng như sự sẵn sàng trả nợ của các doanh nghiệp nông nghiệp. Nhà cho vay tiềm năng cũng có thể cảm nhận được rủi ro cao bởi vì họ không hiểu nhiều về lĩnh vực nông nghiệp và không có cách nào để đánh giá các rủi ro liên quan.

2.3.1.2. Thực trạng sử dụng nguồn vốn trong hoạt động tín dụng nội bộ

Tại Việt Nam, sau thời điểm Luật hợp tác xã năm 2003 ra đời, các hợp tác xã bắt đầu tiếp cận với hoạt động tín dụng nội bộ.

Tại Thừa Thiên Huế, các hợp tác xã nông nghiệp cũng bắt đầu thực hiện hoạt động tín dụng nội bộ từ năm 2004. Cho đến năm 2018, trong số 168 hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế thì có 17 hợp tác xã đăng ký thực hiện hoạt động tín dụng nội bộ.

2.3.1.3. Thực trạng sử dụng nguồn vốn để góp vốn, mua cổ phần và thành lập doanh nghiệp

Quyền góp vốn, mua cổ phần và thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã là một trong những vấn đề gây ra nhiều tranh cãi trong quá trình soạn thảo Luật hợp tác xã năm 2012. Cuối cùng, quyền này đã được pháp luật công nhận. Theo đó, các hợp tác xã có quyền sử dụng nguồn vốn của mình để tham gia góp vốn, mua cổ phần và thành lập doanh nghiệp nếu đáp ứng những điều kiện nhất định.

2.3.2. Thực trạng quản lý tài sản của hợp tác xã nông nghiệp

2.3.2.1. Thực trạng quản lý tài sản cố định của hợp tác xã nông nghiệp

Bởi vì là các hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lại có quy mô vừa và nhỏ, nên tài sản cố định của các hợp tác xã chủ yếu là giá trị quyền sử dụng đất (chiếm đến 78% tổng giá trị tài sản cố định), còn lại 22% là tài sản cố định hữu hình (chủ yếu bao gồm các trang thiết bị, máy móc phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, nhà xưởng và trụ sở của các hợp tác xã).

2.3.2.2. Thực trạng quản lý tài sản lưu động của hợp tác xã nông nghiệp

Tài sản lưu động là các loại vật tư, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, thành phẩm, hàng hóa, bán thành phẩm, sản phẩm dở dang, tiền mặt tồn quỹ, số dư tiền gửi ngân hàng, cổ phiếu, trái phiếu tồn quỹ.

2.3.3. Thực trạng quản lý doanh thu, chi phí, lợi nhuận và sử dụng quỹ của Hợp tác xã nông nghiệp

2.3.3.1. Thực trạng quản lý doanh thu

Doanh thu của hợp tác xã nông nghiệp bao gồm doanh thu hoạt động sản xuất, kinh doanh và doanh thu hoạt động tài chính, tín dụng nội bộ.

2.3.3.2. Thực trạng quản lý chi phí của hợp tác xã nông nghiệp

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Việc xác định chi phí được thực hiện phù hợp theo quy định của pháp luật về kế toán và thuế; chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.3.3.3. Thực trạng phân phối lợi nhuận của hợp tác xã nông nghiệp

Luật hợp tác xã năm 2012 đã ghi nhận nguyên tắc phân phối lợi nhuận dựa trên mức độ sử dụng dịch vụ của hợp tác xã làm nguyên tắc tiên quyết.

2.3.4. Thực trạng thực hiện kiểm toán hợp tác xã

Theo quy định của Luật hợp tác xã, một trong những nghĩa vụ của hợp tác xã là phải thực hiện đúng quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Vì vậy, thực hiện kiểm toán hợp tác xã được xem như là chìa khóa giúp hợp tác xã kiểm soát được mọi hoạt động, kể cả đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh, từ đó đưa đến những tư vấn có giá trị, giúp phát triển bền vững, hoạt động đúng Luật định, bảo đảm các nguyên tắc và giá trị hợp tác xã.

Tiểu kết Chương 2

Trong Chương 2, Luận văn đã giới thiệu về mô hình hợp tác xã nông nghiệp tại Việt Nam và tình hình hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ngoài ra, Chương 2 cũng phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến cơ chế quản lý tài chính của các hợp tác xã nông nghiệp, gồm: Cơ chế tài chính của Nhà nước; Đặc điểm và quy mô hoạt động của hợp tác xã; Trình độ quản lý của hợp tác xã; Hệ thống kiểm soát nội bộ của hợp tác xã.

Quan trọng nhất là Chương 2 của Luận văn đã phân tích và đánh giá thực trạng quản lý tài chính trong các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Trong đó, những bất cập nổi bật nhất cần được quan tâm giải quyết để đảm bảo hiệu quả hoạt động quản lý tài chính của các hợp tác xã nông nghiệp là:

- Khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn của các hợp tác xã nông nghiệp nói riêng và các hợp tác xã nói chung, đặc biệt là vấn đề tiếp cận nguồn vốn tín dụng và vốn từ Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

- Hạn chế liên quan đến hoạt động tín dụng nội bộ trong các hợp tác xã nông nghiệp, bao gồm khung pháp lý điều chỉnh hoạt động này và khó khăn về nguồn vốn phục vụ cho hoạt động tín dụng nội bộ của các hợp tác xã nông nghiệp.

- Bất cập trong công tác kiểm toán đối với các hợp tác xã nông nghiệp.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP

3.1. Định hướng phát triển hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

3.1.1. Cơ sở định hướng

Hiện nay kinh tế nông thôn đang chịu áp lực chung cho cả 2 hướng: chuyển đổi từ nền kinh tế nông nghiệp nông thôn lạc hậu, chậm phát triển sang kinh tế thị trường phát triển và quá trình này thúc đẩy bởi tiến trình công nghiệp hoá và hiện đại hoá.

Thực hiện Luật hợp tác xã năm 2012 và Nghị quyết số 13 NQ/TW hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 (khóa IX) về kinh tế tập thể, Chính phủ đã ban hành hệ thống các chính sách về phát triển kinh tế tập thể.

3.1.2. Mục tiêu và định hướng nâng cao hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

3.1.2.1. Mục tiêu phát triển hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

Với mục tiêu tổng quát đề ra cho khu vực kinh tế tập thể là đẩy mạnh việc đổi mới và phát triển các loại hình kinh tế tập thể đồng thời nâng cao tốc độ tăng trưởng, đưa kinh tế tập thể cùng các thành phần kinh tế khác và kinh tế hộ thành viên đóng góp ngày càng cao trong tỷ trọng nền kinh tế, góp phần xoá đói giảm nghèo, tạo thêm việc làm, cải thiện đời sống vật chất tinh thần của các thành viên và cộng đồng dân cư địa phương nhất là vùng nông thôn.

3.1.2.2. Định hướng phát triển hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

Thứ nhất: Tiếp tục quán triệt và cụ thể hoá các nhiệm vụ của Nghị quyết TW 5

Thứ hai: Phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã với các hình thức đa dạng, trình độ phát triển từ thấp đến cao, không giới hạn về quy mô, lĩnh vực địa bàn.

Thứ ba: Phát triển HTX phải trên cơ sở đảm bảo quyền tự chủ của kinh tế trang trại, hỗ trợ đặc lực cho kinh tế hộ, kinh tế trang trại phát triển.

Thứ tư: Đẩy mạnh việc củng cố, nâng cao năng lực các HTX và phát triển HTX mới. Thứ năm: Quan tâm tạo điều kiện cho các tổ hợp

tác phát triển như là một bộ phận cấu thành quan trọng của kinh tế tập thể.

3.2. Nhóm giải pháp phát triển hợp tác xã nông nghiệp

3.2.1. Giải pháp về phương thức tổ chức và công tác cán bộ

Việc cải tổ phương thức hoạt động và kiện toàn nhân sự có ý nghĩa quyết định đến việc tồn tại và phát triển của các đơn vị sản xuất kinh doanh nói chung và các HTX nông nghiệp nói riêng trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá hội nhập kinh tế quốc tế.

3.2.2. Tăng cường sự chỉ đạo của Nhà nước đối với hợp tác xã

3.2.2.1. Về công tác tuyên truyền Luật hợp tác xã năm 2012, về phát triển kinh tế hợp tác, đặc biệt là trong lĩnh vực nông nghiệp

Tiếp tục quán triệt Nghị quyết 13 đến tất cả các cấp, ngành, các cơ sở kinh tế tập thể và người dân. Đây là giải pháp quan trọng, là trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương.

3.2.2.2. Tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chỉ đạo của các cấp chính quyền, đoàn thể

Các cấp ủy đảng tăng cường chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 13-NQ/TW hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển nâng cao hiệu quả của kinh tế tập thể và việc triển khai thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012.

3.2.2.3. Một số chính sách đối với hợp tác xã

Thứ nhất, Chính sách về đất đai đối với hợp tác xã nông nghiệp

Thứ hai, Chính sách thuế

Thứ ba, Chính sách tín dụng

Thứ tư, Xúc tiến thương mại

Thứ năm, Ứng dụng khoa học công nghệ

3.2.3. Giải pháp về đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ quản lý hợp tác xã, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ hợp tác xã

Tăng cường công tác đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn đối với các chức danh Ban quản trị, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng và cán bộ nghiệp vụ HTX. Tiếp tục có cơ chế chính sách hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn.

3.3. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả quản lý tài chính tại hợp tác xã nông nghiệp.

3.3.1. Hoàn thiện pháp luật về quản lý tài chính hợp tác xã

Thứ nhất, hoàn thiện khung pháp lý đối với hệ thống Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã

Sự ra đời của hệ thống Quỹ hỗ trợ phát triển HTX đã góp phần quan

trọng trong việc thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành nghề trong khu vực kinh tế tập thể. Do đó, việc duy trì một hệ thống Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã hoạt động thống nhất từ Trung ương đến địa phương, đồng thời xây dựng hành lang pháp lý cho việc thành lập và tổ chức hoạt động của các Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã địa phương là nhiệm vụ cần thiết.

Thứ hai, hoàn thiện khung pháp lý đối với hoạt động tín dụng nội bộ của hợp tác xã

Một vấn đề đang được đặt ra với hoạt động tín dụng nội bộ của các HTX nông nghiệp hiện nay là thiếu khung pháp lý. Khi thực hiện dịch vụ tín dụng nội bộ, các HTX đang dựa vào Luật hợp tác xã năm 2012 (cho phép HTX cung cấp tín dụng cho thành viên) và Thông tư 15/VBHN-NHNN ban hành tháng 5/2014.

Thứ ba, hoàn thiện khung pháp lý đối với hoạt động kiểm toán nội bộ hợp tác xã

Hiện nay, tại Việt Nam, ngoài mô hình kiểm toán độc lập và mô hình kiểm toán Nhà nước, đã xuất hiện mô hình kiểm toán nội bộ và hoạt động dưới sự điều chỉnh của Nghị định 05/2019/NĐ-CP. Tuy nhiên, Nghị định này chỉ điều chỉnh đối với các doanh nghiệp mà không áp dụng cho mô hình hợp tác xã. Chính phủ vì vậy cần xây dựng một khung pháp lý cụ thể quy định về các hình thức kiểm toán hợp tác xã, cách thức tổ chức kiểm toán hợp tác xã và chức năng nhiệm vụ của các tổ chức liên quan.

3.3.2. Nâng cao hiệu quả quản lý tài chính đối với hợp tác xã nông nghiệp

Thứ nhất, Nâng cao hiệu quả tiếp cận nguồn vốn cho hợp tác xã nông nghiệp

Có thể thấy, các thành viên là nguồn tài trợ chính cho HTX. Hợp tác xã cần cung cấp thông tin minh bạch cho cả thành viên hiện tại và thành viên tiềm năng mà họ có thể đưa ra đánh giá tốt về việc liệu có nên đầu tư vào HTX hay không.

Thứ hai, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã

Một là, Định hướng xây dựng hệ thống các Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã từ TW đến địa phương

Hai là, cải cách hành chính, nâng cao chất lượng hoạt động của các Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã

Ba là, Nâng cao chất lượng và phát triển nguồn nhân lực Quỹ

Thứ ba, Phát huy vai trò của hoạt động kiểm toán trong các hợp tác xã nông nghiệp

- Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và các hợp tác xã cần nhận thức đúng bản chất và vai trò của hoạt động kiểm toán trong hợp tác xã

- Xây dựng mô hình kiểm toán hợp tác xã phù hợp với bối cảnh các hợp tác xã của Việt Nam

Thứ tư, Bổ sung nguồn vốn phục vụ cho hoạt động tín dụng nội bộ trong các hợp tác xã nông nghiệp.

Với những khó khăn trong việc tiếp cận vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh của các thành viên, cũng như những hạn chế về quy mô nguồn vốn cho vay của dịch vụ TDNB trong các HTX nông nghiệp hiện nay, việc các NHTM thực hiện ủy thác cho vay đối với các HTX nông nghiệp có dịch vụ TDNB thật sự là giải pháp có thể phát huy hiệu quả và mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho các bên liên quan.

Tiểu kết Chương 3

Trong Chương 3, Luận văn đã đưa ra các giải pháp trong việc phát triển hoạt động của hợp tác xã nói chung và các hợp tác xã nông nghiệp nói riêng, bao gồm:

- Giải pháp về phương thức tổ chức và công tác cán bộ
- Tăng cường sự chỉ đạo của Nhà nước đối với hợp tác xã
- Giải pháp về thúc đẩy kinh tế hàng hoá phát triển
- Giải pháp về đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ quản lý hợp tác xã, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ hợp tác xã

Đặc biệt, trên cơ sở những bất cập về hoạt động quản lý tài chính tại các hợp tác xã nông nghiệp tại Thừa Thiên Huế nói riêng và các hợp tác xã nói chung, Chương 3 của Luận văn đã kiến nghị một số các giải pháp cụ thể nhằm giải quyết thực trạng trên, bao gồm giải pháp về hoàn thiện pháp luật về hợp tác xã và quản lý tài chính đối với hợp tác xã và nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý tài chính đối với hợp tác xã nông nghiệp.

KẾT LUẬN

HTX nông nghiệp là một tổ chức kinh tế mang tính xã hội sâu sắc của tập hợp đông đảo nông dân ở nông thôn - lực lượng lao động chiếm tỷ trọng lớn nhất trong xã hội ở các nước đang phát triển. Ở Việt Nam sự phát triển của HTX nông nghiệp có ý nghĩa to lớn đối với phát triển sản xuất nông nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn.

Hiện nay trong điều kiện phát triển KTTT và HNQT, các HTX nông nghiệp ở Việt Nam đang trong tình trạng khó khăn, yếu kém kéo dài, với năng lực nội tại yếu, cơ sở vật chất nghèo nàn, trình độ công nghệ lạc hậu; năng lực, trình độ cán bộ quản lý trong khu vực HTX nông nghiệp còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất - kinh doanh; chính sách đối với cán bộ HTX nông nghiệp còn có nhiều bất cập; nhiều HTX hoạt động không đúng với nguyên tắc, chưa thực sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật HTX; sự liên kết, hợp tác của các HTX nông nghiệp chưa chặt chẽ, hiệu quả thấp. Một trong những nguyên nhân gây nên thực trạng nêu trên chính là những lỗ hổng trong hệ thống pháp luật về quản lý tài chính đối với HTX nông nghiệp cũng như những hạn chế trong hoạt động quản lý tài chính tại các HTX nông nghiệp. Do đó, hoàn thiện các quy định pháp luật về quản lý tài chính và nâng cao hiệu quả của hoạt động này tại các HTX nông nghiệp nhằm thúc đẩy sự phát triển của HTX nông nghiệp trong điều kiện hiện nay là hết sức cần thiết và cấp bách.

Việc hoàn thiện quản lý tài chính trong HTX nông nghiệp phải dựa trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về HTX; phải dựa trên đường lối của Đảng, Nhà nước về phát triển HTX; tham khảo, vận dụng các kinh nghiệm trong công tác quản lý nhà nước đối với HTX nông nghiệp trên thế giới và trong nước để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý tài chính về kinh tế nói chung, về nông nghiệp và HTX nông nghiệp nói riêng nhằm mục tiêu thúc đẩy sự ra đời và phát triển bền vững của HTX nông nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển KTTT và HNQT của Việt Nam hiện nay.

Trên cơ sở thực trạng công tác quản lý tài chính tại các HTX nông nghiệp, các quan điểm, mục tiêu và phương hướng hoàn thiện quản lý tài chính tại các HTX nông nghiệp, Luận văn đề xuất hệ thống giải pháp tiếp tục phát triển HTX ở Việt Nam hiện nay, gồm: giải pháp về phương thức tổ chức và công tác cán bộ, tăng cường sự chỉ đạo của Nhà nước đối với hợp tác xã, giải pháp về thúc đẩy kinh tế hàng hoá phát triển và giải pháp về đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ quản lý hợp tác xã, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ hợp tác xã.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT

1. Bộ kế hoạch và Đầu tư (2006), *Thông tư số 01/2006/TT-BKH ngày 19/01/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tiêu chí đánh giá và phân loại HTX.*

2. Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2002), *Thông tư số 48/2002/TTLT-BTC-BNNPTNT ngày 28/5/2002 của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với hợp tác xã nông nghiệp*

3. Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (2008), *Thông tư 74/2008/TTLT/BTC-BNN ngày 14/8/2008 của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý tài chính trong hợp tác xã nông nghiệp;*

4. Bộ Tài chính (2015), *Thông tư 83/2015/TT-BTC ngày 28/5/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với hợp tác xã.*

5. Bộ Tài chính (2010), *Thông tư số 24/2010/TT-BTC ngày 23/2/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho Hợp tác xã Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Ngư nghiệp và Nghề muối*

6. Bộ Tài chính (2013), *Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.*

7. Bộ Tài chính (2013), *Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 sửa đổi bổ sung Thông tư số 288/2009/TT-BTC hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.*

8. Bộ Chính trị- Ban chấp hành Trung ương Đảng (2012), *Kết luận số 56KL/TW ngày 21/02/2012 của Bộ chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết trung ương V khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.*

9. Bộ Chính trị - Ban chấp hành Trung ương Đảng (2014), *Kết luận số 97-KL/TW ngày 15/5/1014 về một số chủ trương, giải pháp về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương lần thứ VII khóa X về nông nghiệp- nông dân- nông thôn.*

10. Chính phủ (2004), *Nghị định 177/2004/NĐ-CP ngày 24/10/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hợp tác xã năm 2003;*

11. Chính phủ (2013), *Nghị định 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật hợp tác xã năm 2012.*

12. Hội đồng Chính phủ (1968), *Nghị quyết số 101-CP ngày 03-7-1968 của Hội đồng Chính phủ về nguyên tắc quản lý tài chính hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.*

13. Liên bộ Nông nghiệp- Bộ Tài chính (1981), *Quyết định số 45-QĐLB ngày 20-4-1981 của Liên Bộ Nông nghiệp- Bộ Tài chính về chế độ quản lý tài chính hợp tác xã nông lâm nghiệp*

14. Liên bộ Nông nghiệp- Bộ Tài chính (1986), *Thông tư số 16/TT-LB ngày 11/8/1986 của Liên bộ Nông nghiệp- Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về quyền tự chủ tài chính trong các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và nông lâm nghiệp.*

15. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2002), *Hiến pháp năm 1992, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.*

16. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2013), *Hiến pháp năm 2013, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.*

17. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (1996), *Luật Hợp tác xã năm 1996, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.*

18. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2003), *Luật Hợp tác xã năm 2003, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.*

19. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2012), *Luật Hợp tác xã năm 2012, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.*

20. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2003), *Luật Kế toán năm 2003, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.*

21. Thủ tướng Chính phủ (2003), *Chỉ thị số 22/2003/CT-TTg ngày 03 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục thúc đẩy thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về kinh tế tập thể;*

22. Thủ tướng Chính phủ (2014), *Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015-2020.*

II. CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO BẰNG TIẾNG VIỆT

1. Cục HTX và phát triển nông nghiệp hợp tác với tổ chức JICA của Nhật Bản (2007-2008), *Điều tra về tình hình HTX nông nghiệp năm 2004 và công bố “Dự án tăng cường chức năng HTX nông nghiệp, phân tích hoạt động tiêu thụ sản phẩm của HTX nông nghiệp điển hình”.*

2. Chính phủ (2010), *Báo cáo tổng kết thi hành Luật Hợp tác xã năm 2003.*

3. Hội đồng Trung ương Liên minh các HTX Việt Nam, Viện Kinh tế HTX (1997), *Báo cáo nghiệm thu đề tài kinh tế hợp tác, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, do PGS, TS Hoàng Kim Giao làm chủ nhiệm.
4. Hồng Vân (2010), *Mô hình kinh tế hợp tác xã của một số nước châu Á*, *Tạp chí Công nghiệp*.
5. Lương Xuân Quý, Nguyễn Thế Nhã (1999), “*Đổi mới tổ chức và quản lý các Hợp tác xã trong nông nghiệp và nông thôn*”, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
6. Luận chứng pháp luật và chính sách để phát triển hợp tác xã ở Việt Nam- Số 01- Tháng 7/2010, *Phát triển hợp tác xã ở Việt Nam, một bước mới để phát triển nền kinh tế của đất nước*
7. Phạm Thị Cần, Vũ Văn Phúc, Nguyễn Văn Kỳ (2003), “*Kinh tế Hợp tác trong nông nghiệp ở nước ta hiện nay*”, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. PGS, TS Nguyễn Đình Kháng (2009), *Chính sách phát triển hợp tác xã ở Việt Nam*, *Tạp chí kinh tế và dự báo*.
9. PGS, TS Hoàng Kim Giao (1997), *Hợp tác xã ở Ixraen*.
10. PGS, TS Hoàng Kim Giao (1997), *Hợp tác xã ở Indonexia*.
11. Trần Lệ Thu (2010), *Một số vấn đề pháp lý về Hợp tác xã và thực tiễn áp dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội*. Luận văn thạc sỹ Luật học. Khoa Luật- Đại học Quốc gia Hà Nội.
12. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thừa Thiên Huế (2015), *Báo cáo tổng kết hoạt động hợp tác xã nông nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2014 (ngày 31/7/2015)*
13. UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (2015), *Báo cáo số 156/BC-UBND ngày 07/9/2015 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về tình hình kinh tế tập thể và hoạt động phát triển kinh tế tập thể năm 2015 và kế hoạch phát triển kinh tế tập thể năm 2016*.